



2022 Danh mục quyền lợi & bảng phạm vi bao trả: Silver 87 HMO

BẢNG NÀY CHỈ NHẪM GIÚP QUÝ VỊ SO SÁNH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ CHỈ LÀ BẢN TÓM TẮT. NÊN THAM KHẢO CHỨNG TỪ BẢO HIỂM (EVIDENCE OF COVERAGE, EOC) VÀ HỢP ĐỒNG CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM ĐỂ BIẾT MÔ TẢ CHI TIẾT CÁC QUYỀN LỢI VÀ GIỚI HẠN BẢO HIỂM.

| | |
|--|---|
| Thời hạn tích lũy | |
| Thời hạn tích lũy của chương trình này bắt đầu từ 01/01/22 đến ngày 31/12/22 (Năm dương lịch). | |
| Số tiền tự trả tối đa trong năm dương lịch | |
| Quý vị sẽ không phải trả bất kỳ Khoản chia sẻ chi phí nào nữa trong năm dương lịch nếu các khoản Tiền đồng thanh toán và Tiền đồng bảo hiểm quý vị trả có tổng bằng một một trong những số tiền sau: | |
| Đối với ghi danh chỉ cho bản thân (Gia đình một thành viên) | \$2,850 mỗi năm dương lịch |
| Dành cho toàn thể gia đình gồm hai thành viên trở lên | \$5,700 mỗi năm dương lịch |
| Tiền khấu trừ theo chương trình | |
| Quý vị phải đáp ứng Tiền khấu trừ theo chương trình trước khi khoản Tiền chia sẻ chi phí của quý vị áp dụng (ngoại trừ những dịch vụ “Miễn phí”): | |
| Tiền khấu trừ y tế | \$800/người hoặc \$1,600/gia đình |
| Tiền khấu trừ nhà thuốc | \$0/người hoặc \$0/gia đình |
| Tối đa trọn đời | |
| Không có | |
| Các dịch vụ chuyên nghiệp (Các chuyến thăm khám tại văn phòng của Nhà cung cấp thuộc chương trình) | |
| Phần chia sẻ chi phí của quý vị | |
| Hầu hết các cuộc thăm khám theo chương trình chăm sóc ban đầu để đánh giá và điều trị \$15 mỗi lần thăm khám | |
| Hầu hết các cuộc thăm khám chăm sóc đặc biệt để được tư vấn, đánh giá và điều trị | \$25 mỗi lần thăm khám |
| Các cuộc thăm khám tại văn phòng bác sĩ khác* | \$15 mỗi lần thăm khám |
| Khám sức khỏe định kỳ, bao gồm khám sức khỏe cho phụ nữ | Miễn phí |
| Khám sức khỏe phòng ngừa cho trẻ (đến 23 tháng tuổi) | Miễn phí |
| Tư vấn và tham vấn kế hoạch hóa gia đình | Miễn phí |
| Khám sức khỏe tiền sản theo lịch | Miễn phí |
| Khám mắt định kỳ với Chuyên gia đo thị lực thuộc chương trình dành cho hội viên dưới 19 tuổi | Miễn phí |
| Kiểm tra thính giác | Miễn phí |
| Hầu hết lần trị liệu vật lý, nghề nghiệp và ngôn ngữ | \$15 mỗi lần thăm khám |
| Tư vấn, đánh giá và điều trị thuộc chăm sóc khẩn cấp | \$15 mỗi lần thăm khám |
| Lưu ý: | |
| 1. Chăm sóc khẩn cấp bao gồm các dịch vụ can thiệp khủng hoảng về sức khỏe tâm thần/hành vi và phụ thuộc chất gây nghiện (Rối loạn sử dụng chất). | |
| 2. Y tế từ xa là các quyền lợi được bao trả. Phần chia sẻ chi phí của quý vị liên quan đến các dịch vụ từ xa sẽ không vượt quá phần chia sẻ chi phí được tính cho cùng dịch vụ được thực hiện trực tiếp. | |
| Dịch vụ ngoại trú | |
| Phần chia sẻ chi phí của quý vị | |
| Phí trả cho cơ sở phẫu thuật ngoại trú | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần phẫu thuật |
| Phí trả cho bác sĩ ngoại trú/bác sĩ phẫu thuật | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần thăm khám |
| Thăm khám ngoại trú** | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần thăm khám |
| Hầu hết các lần chủng ngừa (bao gồm cả vắc-xin) | Miễn phí |
| Hầu hết các lần chụp X-quang | \$40 mỗi lần chụp |
| Hầu hết các xét nghiệm | \$20 mỗi lần |
| MRI, hầu hết các lần chụp CT, và PET | \$100 mỗi quy trình |
| Dịch vụ phục hồi chức năng | \$15 mỗi lần thăm khám |
| Tư vấn giáo dục sức khỏe cá nhân được bao trả | Miễn phí |
| Các chương trình giáo dục sức khỏe được bao trả | Miễn phí |



2022 Danh mục quyền lợi & bảng phạm vi bao trả: Silver 87 HMO

| | |
|--|--|
| Dịch vụ khi nhập viện | Phần chia sẻ chi phí của quý vị |
| Nằm viện nội trú (phí cơ sở) | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần nhập viện+ |
| Phí bác sĩ/bác sĩ phẫu thuật để thực hiện phẫu thuật | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần nhập viện |
| Bảo hiểm y tế khẩn cấp | Phần chia sẻ chi phí của quý vị |
| Phí tiện nghi phòng cấp cứu | \$150 mỗi lần thăm khám |
| Phí bác sĩ phòng cấp cứu | Miễn phí |
| Lưu ý: Phí phòng cấp cứu không áp dụng nếu nhập viện trực tiếp với tư cách là bệnh nhân nội trú để tiếp nhận các Dịch vụ được bao trả. | |
| Dịch vụ xe cấp cứu | Phần chia sẻ chi phí của quý vị |
| Dịch vụ xe cấp cứu | \$75 mỗi chuyến |
| Bảo hiểm thuốc theo toa | Phần chia sẻ chi phí của quý vị |
| Các vật phẩm được bao trả cho bệnh nhân ngoại trú phù hợp với hướng dẫn trong danh mục thuốc của chúng tôi: | |
| Bậc 1 Tại Nhà thuốc thuộc chương trình hoặc dịch vụ đặt hàng qua thư của chúng tôi | \$5 cho lượng thuốc đủ dùng trong tối đa 30 ngày |
| Bậc 2 Tại Nhà thuốc thuộc chương trình hoặc dịch vụ đặt hàng qua thư của chúng tôi | \$25 cho lượng thuốc đủ dùng trong tối đa 30 ngày |
| Bậc 3 Tại Nhà thuốc thuộc chương trình hoặc dịch vụ đặt hàng qua thư của chúng tôi | \$45 cho lượng thuốc đủ dùng trong tối đa 30 ngày |
| Bậc 4 Các vật phẩm tại Nhà thuốc thuộc chương trình | 15% tiền đồng bảo hiểm cho tối đa đến \$150 mỗi toa thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong tối đa 30 ngày |

| Bậc thuốc | Danh mục |
|-----------|---|
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> Hầu hết các loại thuốc gốc và Thuốc có hiệu ưu tiên giá thấp |
| 2 | <ul style="list-style-type: none"> Thuốc gốc không ưu tiên; Thuốc biệt dược biệt dược ưu tiên; và Bất kỳ loại thuốc nào khác được khuyến nghị bởi ủy ban dược phẩm và trị liệu (pharmaceutical and therapeutics, P&T) của chương trình dựa trên tính an toàn, hiệu quả và giá thuốc. |
| 3 | <ul style="list-style-type: none"> Thuốc biệt dược không ưu tiên hoặc; Thuốc được khuyến nghị bởi ủy ban P&T dựa trên tính an toàn, hiệu quả và giá thuốc hoặc; Nhìn chung có cách trị liệu thay thế được ưu tiên và thường rẻ hơn ở bậc thấp hơn. |
| 4 | <ul style="list-style-type: none"> Thuốc là sinh phẩm và thuốc mà Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (Food and Drug Administration, FDA) hoặc nhà sản xuất thuốc yêu cầu phải được phân phối thông qua các nhà thuốc chuyên khoa; Thuốc yêu cầu người đăng ký phải được đào tạo đặc biệt hoặc theo dõi lâm sàng; Thuốc đòi hỏi chương trình bảo hiểm y tế (trừ tiền chiết khấu) phải trả hơn sáu trăm đô la (\$600) thực sau khi trừ tiền chiết khấu cho số lượng đủ dùng trong một tháng. |

Lưu ý: Phần chia sẻ chi phí của hội viên sẽ thấp hơn giá bán lẻ của nhà thuốc đối với thuốc theo toa hoặc số tiền chia sẻ chi phí áp dụng cho thuốc đó và các khoản chi phí đó sẽ cộng dồn vào tiền khấu trừ và hạn mức tiền tự trả tối đa.

| | |
|--|---|
| Dịch vụ sức khỏe tâm thần/hành vi (Mental Health, MH) | Phần chia sẻ chi phí của quý vị |
| Nội trú: | |
| Viện phí điều trị tâm thần MH | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần nhập viện+ |
| Phí bác sĩ tâm thần/bác sĩ phẫu thuật MH | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần nhập viện |
| Quan sát tâm thần MH | Đã bao gồm trong viện phí điều trị tâm thần |
| Kiểm tra tâm lý MH | Đã bao gồm trong viện phí điều trị tâm thần |
| Điều trị cá nhân và nhóm | Đã bao gồm trong viện phí điều trị tâm thần |
| Đánh giá cá nhân và nhóm MH | Đã bao gồm trong viện phí điều trị tâm thần |
| Chương trình điều trị khủng hoảng MH nội trú | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần nhập viện+ |



2022 Danh mục quyền lợi & bảng phạm vi bao trả: Silver 87 HMO

Ngoại trú:

| | |
|---|------------------------|
| Các lần thăm khám đến văn phòng bác sĩ MH | \$15 mỗi lần thăm khám |
| Giám sát điều trị MH bằng thuốc | \$15 mỗi lần thăm khám |
| Điều trị MH cá nhân và nhóm | \$15 mỗi lần thăm khám |
| Đánh giá MH cá nhân và nhóm | \$15 mỗi lần thăm khám |

Ngoại trú, các hạng mục và dịch vụ khác:

| | |
|---|----------|
| Phân tích hành vi ứng dụng và điều trị sức khỏe hành vi | Miễn phí |
| Điều trị MH đa ngành ở bệnh nhân ngoại trú tích cực | |
| Chương trình điều trị tâm thần | Miễn phí |
| Kiểm tra tâm lý học thần kinh | Miễn phí |
| Nhập viện bán phần điều trị MH | Miễn phí |
| Kiểm tra tâm lý học thần kinh MH | Miễn phí |

Lưu ý: Y tế từ xa là các quyền lợi được bao trả. Phần chia sẻ chi phí của quý vị liên quan đến các dịch vụ từ xa sẽ không vượt quá phần chia sẻ chi phí được tính cho cùng dịch vụ được thực hiện trực tiếp.

| | |
|--|-----------------------------|
| Các dịch vụ can thiệp phụ thuộc chất gây nghiện (Rối loạn sử dụng chất) | Phần chia sẻ phí của quý vị |
|--|-----------------------------|

Nội trú:

| | |
|---|---|
| Viện phí để can thiệp phụ thuộc chất gây nghiện | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần nhập viện+ |
| Phí bác sĩ/bác sĩ phẫu thuật điều trị phụ thuộc chất gây nghiện | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần nhập viện |
| Cai nghiện nội trú | Đã bao gồm trong viện phí |
| Điều trị cá nhân và nhóm | Đã bao gồm trong viện phí |
| Tư vấn can thiệp phụ thuộc chất gây nghiện cho cá nhân và nhóm | Đã bao gồm trong viện phí |
| Đánh giá cá nhân và nhóm | Đã bao gồm trong viện phí |
| Dịch vụ phục hồi nội trú chuyển tiếp | 15% tiền đồng bảo hiểm mỗi lần nhập viện+ |

Ngoại trú:

| | |
|---|------------------------|
| Thăm khám tại văn phòng để can thiệp phụ thuộc chất gây nghiện | \$15 mỗi lần thăm khám |
| Đánh giá cá nhân và nhóm để can thiệp phụ thuộc chất gây nghiện | \$15 mỗi lần thăm khám |
| Tư vấn cá nhân và nhóm để can thiệp phụ thuộc chất gây nghiện | \$15 mỗi lần thăm khám |
| Duy trì Methadone | \$15 mỗi lần thăm khám |

Ngoại trú, các hạng mục và dịch vụ khác:

| | |
|---|----------|
| Các chương trình ngoại trú chuyên sâu can thiệp phụ thuộc chất gây nghiện | Miễn phí |
| Các chương trình điều trị phụ thuộc chất gây nghiện ban ngày | Miễn phí |

Lưu ý: Y tế từ xa là các quyền lợi được bao trả. Phần chia sẻ chi phí của quý vị liên quan đến các dịch vụ từ xa sẽ không vượt quá phần chia sẻ chi phí được tính cho cùng dịch vụ được thực hiện trực tiếp.

| | |
|-----------------------------|---------------------------------|
| Thiết bị y tế lâu bền (DME) | Phần chia sẻ chi phí của quý vị |
|-----------------------------|---------------------------------|

| | |
|--|------------------------|
| Các thiết bị DME mang lại lợi ích thiết yếu cho sức khỏe | 15% tiền đồng bảo hiểm |
|--|------------------------|

| | |
|----------------------|---------------------------------|
| Dịch vụ y tế tại gia | Phần chia sẻ chi phí của quý vị |
|----------------------|---------------------------------|

| | |
|---|------------------------|
| Chăm sóc sức khỏe tại gia (tối đa 100 lần thăm khám mỗi năm dương lịch) | \$15 mỗi lần thăm khám |
|---|------------------------|

| | |
|------|---------------------------------|
| Khác | Phần chia sẻ chi phí của quý vị |
|------|---------------------------------|

Kính đeo mắt hoặc kính áp tròng dành cho Hội viên dưới 19 tuổi:

| | |
|--|----------|
| Gọng kính với các kiểu chọn lọc mỗi năm dương lịch | Miễn phí |
| Kính áp tròng tiêu chuẩn cho mỗi năm dương lịch | Miễn phí |
| Tròng kính mắt thông thường mỗi năm dương lịch | Miễn phí |

Lưu ý: Giới hạn ở một cặp kính mỗi năm (kính áp tròng thay cho kính có gọng).

Chăm sóc tại Cơ sở điều dưỡng chuyên môn

| | |
|--|-------------------------|
| (tối đa 100 ngày cho mỗi thời hạn quyền lợi) | 15% tiền đồng bảo hiểm+ |
|--|-------------------------|

| | |
|-------------------|----------|
| Chăm sóc cuối đời | Miễn phí |
|-------------------|----------|



Dịch vụ nha khoa

Đối với các phần chia sẻ chi phí liên quan như khám răng miệng, vệ sinh phòng ngừa, chỉnh nha cần thiết về mặt y tế, v.v. vui lòng xem danh mục quyền lợi của Liberty Dentals với các khoản chi phí phù hợp.

Lưu ý:

+ Tiền khấu trừ áp dụng

* Các lần khám khác khác tại văn phòng của bác sĩ bao gồm các lần khám không được cung cấp bởi Bác sĩ chăm sóc chính hoặc Bác sĩ chuyên khoa.

** Thăm khám ngoại trú bao gồm nhưng không giới hạn ở các loại thăm khám ngoại trú sau: hóa trị cho bệnh nhân ngoại trú, xạ trị cho bệnh nhân ngoại trú, liệu pháp truyền dịch cho bệnh nhân ngoại trú và lọc máu cho bệnh nhân ngoại trú và các dịch vụ tương tự cho bệnh nhân ngoại trú.

Đây là bản tóm tắt các quyền lợi thường được hỏi nhất. Bảng này không giải thích các quyền lợi, Phần chia sẻ chi phí, số tiền tự trả tối đa, các loại trừ hoặc giới hạn, chứ không liệt kê tất cả các quyền lợi và số tiền chia sẻ chi phí. Để được giải thích đầy đủ, vui lòng tham khảo các phần "Quyền lợi và phần chia sẻ chi phí", "Các giới hạn & loại trừ", và "Trách nhiệm thanh toán & bồi hoàn" trong EOC của quý vị.